

Số: 46 /TB-VP

Phú Quốc, ngày 23 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu

Thực hiện Luật Tiếp cận thông tin và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-PC ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Công văn số 212/HCC-KSTT ngày 19/12/2025 về việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết UBND đặc khu.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc thông báo về việc niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính: Qua rà soát có 05 lĩnh vực với 59 thủ tục hành chính (có danh mục kèm theo).

2. Địa điểm niêm yết:

- Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu Phú Quốc;
- Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT.UBND đặc khu PQ;
- Các cơ quan, ban, ngành đặc khu (Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- TTVHTT&TT PQ (thông báo);
- TTPVHCC (niêm yết);
- Cổng TTĐT đặc khu (niêm yết);
- Zalo DVC đặc khu (niêm yết);
- Trụ sở UBND xã, phường cũ (niêm yết);
- Lưu: VT, VP, htttrang.

Q. CHÁNH VĂN PHÒNG



Ngô Thanh Xuân

DANH SÁCH
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH TƯ PHÁP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Ngành	QĐ công bố	QĐ Quy trình	Ghi chú
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13 TTHC)							
1	2.001008.000.00 .00.H01	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
2	2.000992.000.00 .00.H01	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
3	2.001406.000.00 .00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
4	2.001016.000.00 .00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
5	2.001019.000.00 .00.H01	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
6	2.001035.000.00 .00.H01	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	

7	2.000942.000.00 .00.H01	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
8	2.000927.000.00 .00.H01	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
9	2.000913.000.00 .00.H01	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
10	2.000884.000.00 .00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
11	2.000815.000.00 .00.H01	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	
12	2.000908.000.00 .00.H01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	Tư pháp	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	

II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (36 TTHC)

1	3.000322.H01	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
2	3.000323.H01	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
3	2.002516.H01	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
4	2.000748.000.00.00.H01	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
5	2.000554.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
6	2.002189.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

7	2.000547.000.00 .00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
8	2.000779.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
9	2.000497.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
10	2.000522.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
11	2.000513.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
12	1.001766.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
13	1.001695.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

14	1.000893.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
15	2.000528.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
16	2.000806.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
17	1.001669.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
18	2.000756.000.00 .00.H01	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
19	2.000635.000.00 .00.H01	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
20	1.005461.000.00 .00.H01	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
21	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

22	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
23	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
24	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
25	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
26	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
27	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
28	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
29	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

30	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
31	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
32	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
33	1.000080	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
34	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
35	1.000894	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
36	1.001193	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (05 TTHC)

1	2.002363.000.00.00.H01	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	
---	-------------------------------	---	---------	---------	---	---	--

2	2.002349.000.00 .00.H01	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	
3	2.001255.000.00 .00.H01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	
4	2.001263.000.00 .00.H01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	
5	1.003005.000.00 .00.H01	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Hộ tịch	Tư pháp	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	
IV. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (05 TTHC)							
1	1.002211.H01	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)		Tư pháp	Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
2	2.000950.H01	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)		Tư pháp	Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
3	2.002080.000.00 .00.H01	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên		Tư pháp	Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	

4	2.000424.000.00 .00.H01	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		Tư pháp	Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
5	2.000930.000.00 .00.H01	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)		Tư pháp	Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	
V. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)							
1	2.002165.000.00 .00.H01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		Tư pháp	Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/9/2025	